

Bản án số: 32/2022/DS-ST
Ngày: 19-7-2022
*V/v “Tranh chấp về nghĩa vụ
trả tiền nợ hui”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Minh Tấn
2. Ông Nguyễn Vĩnh Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiếu Ly – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp về nghĩa vụ trả tiền nợ hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh T.

2. *Bị đơn:* Bà Phan Thị P, sinh năm 1961 và ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1964; Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh L.

Ông Nguyễn Văn C ủy quyền cho bà Phan Thị P đại diện tham gia tố tụng, theo Hợp đồng ủy quyền ngày 29/6/2022 tại Văn phòng công chứng Trần Thị Mai K, huyện T, tỉnh L, số công chứng 2499, quyền số 01/2022/CC-SCC/HĐGD.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị G, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh T.

(Ông D, bà P có mặt. Bà G xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/3/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn D trình bày tóm tắt như sau:

Vào năm 2018, ông có tham gia chơi hội do ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị P làm chủ hội, loại hội mùa 10.000.000đ, ông tham gia 02 phần. Ông C, bà P là chủ hội được hưởng hoa hồng mỗi lần hội viên hót hội là 2.000.000đ. Ông đã đóng cho ông C, bà P tổng cộng là 20 lần hội sống thì ông C, bà P không khui hội nữa và cũng không trả lại cho ông số tiền hội là 200.000.000đ. Đến ngày 22/10/2021, bà P có đưa cho ông số tiền 40.000.000đ. Ông đồng ý trừ số tiền hoa hồng cho chủ hội thêm 4.000.000đ. Như vậy, bà P và ông C còn nợ ông số tiền hội là 156.000.000đ. Do ông đã yêu cầu trả nhiều lần mà bà P và ông C vẫn không chịu trả, nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà P và ông C liên đới trách nhiệm trả cho ông số tiền hội là 156.000.000đ. Ông không đồng ý cho bà P, ông C trả dần, không đồng ý nhận 03 công đất từ bà P để canh tác trừ nợ.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 28/6/2022, bị đơn là bà Phan Thị P và ông Nguyễn Văn C cùng trình bày tóm tắt như sau: Bà P, ông C xác định hiện nay còn nợ ông Nguyễn Văn D số tiền hội là 156.000.000đ. Do các hội viên khác giục hội của ông bà, nên hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn, ông bà không có khả năng trả tiền nợ 01 lần cho ông D, mà xin trả dần mỗi năm 20.000.000đ cho đến khi hết nợ hoặc giao 03 công đất cho ông D canh tác trừ nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị G trình bày tóm tắt như sau: Bà là vợ của ông Nguyễn Văn D. Bà thống nhất với toàn bộ ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Qua hòa giải, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D, thấy rằng: Ông D và bà P, ông C đều thống nhất số tiền hội mà bà P, ông C còn nợ ông D là 156.000.000đ, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Theo quy định tại Điều 18 và Điều 23 Nghị định số 19/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường thì chủ hội có nghĩa vụ giao phần tiền hội cho thành viên khi đến kỳ mở hội. Do chủ hội là bà P, ông C vi phạm nghĩa vụ, nên ông D khởi kiện yêu cầu bà P và ông C liên đới trách nhiệm trả số tiền hội còn nợ là 156.000.000đ là đúng quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với ý kiến của bà P, ông C về việc xin trả dần khoản tiền nợ hội mỗi năm 20.000.000đ hoặc giao 03 công đất cho ông D canh tác trừ nợ, nhưng không được ông D chấp nhận, pháp luật cũng không quy định việc cho trả dần

hoặc lấy đất canh tác trừ nợ, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bà P, ông C.

[2.3] Về tiền lãi: Ông D không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D, buộc bà P và ông C liên đới trách nhiệm trả cho ông D số tiền hui còn nợ là 156.000.000đ.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn là bà P, ông C phải liên đới trách nhiệm chịu án phí là 7.800.000đ. Tuy nhiên, bà P là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, thuộc trường hợp được miễn án phí theo Điều 12 của Nghị quyết nêu trên, nên bà P không phải nộp phần án phí tương ứng thành tiền là 3.900.000đ, phần án phí còn lại là 3.900.000đ ông C có nghĩa vụ nộp sung Ngân sách Nhà nước. Các đương sự còn lại không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 18 và Điều 23 Nghị định số 19/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hộ, hui, biên, phường; Điều 6, Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D.

Buộc bà Phan Thị P, ông Nguyễn Văn C liên đới trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn D số tiền hui còn nợ là 156.000.000đ.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí cho bà Phan Thị P. Ông Nguyễn Văn C phải nộp 3.900.000đ án phí sung Ngân sách Nhà nước. Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn D khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.000.000đ theo biên lai thu số 0004264 ngày 14/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

4. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn D và bị đơn là bà Phan Thị P, ông Nguyễn Văn C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị G được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

Trần Văn Khánh